

CÁC BỘ**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 63/2005/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về Chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và Kiểm toán, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Chánh Văn phòng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán” áp dụng cho công tác kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán. Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán gồm 4 phần:

Phần thứ nhất: Hệ thống Chứng từ kế toán;

Phần thứ hai: Hệ thống Tài khoản kế toán;

Phần thứ ba: Hệ thống Sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng;

Phần thứ tư: Hệ thống Báo cáo tài chính.

Điều 2. Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán ban hành theo Quyết định này áp dụng cho các Quỹ Đầu tư chứng khoán trong cả nước và thay thế Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán chấp thuận theo Công văn số 2913/TC-CDKT ngày 08/11/2004 của Bộ Tài chính.

Các Công ty quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán tiến hành khóa sổ kế toán của từng Quỹ Đầu tư chứng khoán tại thời điểm 31/12/2005 để tính chuyển số dư tài khoản kế toán cũ sang tài khoản kế toán mới từ ngày 01/01/2006 theo Chế độ kế toán ban hành theo Quyết định này.

Những quy định khác về kế toán không quy định trong Quyết định này được thực hiện theo Luật Kế toán và Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Giám đốc Công ty quản lý Quỹ

Đầu tư chứng khoán có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán riêng biệt từng quỹ do Công ty quản lý theo quy định trong Quyết định này và các quy định tại Luật Kế toán và Nghị định số 129/2004/NĐ-CP.

Công ty quản lý Quỹ phải đảm bảo tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ Đầu tư chứng khoán tách biệt với tổ chức thực hiện công tác kế toán của chính Công ty quản lý Quỹ.

Điều 5. Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Chánh Văn phòng Bộ Vụ trưởng Vụ Tài chính ngân hàng và các Tổ chức tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tá

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

- **Phần thứ nhất:** Hệ thống Chứng từ kế toán

- **Phần thứ hai:** Hệ thống Tài khoản kế toán

- **Phần thứ ba:** Hệ thống Sổ kế toán và hình thức kế toán áp dụng

- **Phần thứ tư:** Hệ thống Báo cáo tài chính

PHẦN THỨ NHẤT HỆ THỐNG CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành làm căn cứ ghi sổ kế toán.

2. Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của Quỹ Đầu tư chứng khoán đều phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ lập 1 lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

3. Nội dung phương pháp lập, ký chứng từ, sử dụng, quản lý và bảo quản, lưu trữ chứng từ kế toán của Quỹ ĐTCK phải tuân theo quy định của Luật Kế toán,

các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Kế toán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và quy định cụ thể của Chế độ kế toán này.

Danh mục, mẫu biểu và phương pháp lập chứng từ kế toán được quy định tại điểm B của phần này.

4. Khi lập chứng từ kế toán cần phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Nội dung chứng từ phải rõ ràng, trung thực với nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh;

- Chữ viết trên chứng từ phải rõ ràng, không tẩy xóa, không viết tắt;

- Số tiền viết bằng chữ phải khớp đúng với số tiền viết bằng số;

- Chứng từ kế toán phải được lập đủ số liên theo quy định cho mỗi chứng từ và đối với chứng từ lập bằng máy tính thì phải đảm bảo các liên có nội dung trùng khớp nhau;

5. Ký chứng từ kế toán

Mọi chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ mới có giá trị thực hiện. Riêng chứng từ điện tử phải có chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật. Tất cả các chữ ký trên chứng từ kế toán đều phải ký

bằng bút bi hoặc bút mực, không được ký bằng mực đỏ, bằng bút chì, chữ ký trên chứng từ kế toán dùng để chi tiền phải ký theo từng liên. Chữ ký trên chứng từ kế toán của một người phải thống nhất và phải giống với chữ ký đã đăng ký theo quy định, trường hợp không đăng ký chữ ký thì chữ ký lần sau phải khớp với chữ ký các lần trước đó.

6. Trình tự kiểm tra và luân chuyển chứng từ kế toán của Quỹ được quy định như sau:

- Tất cả các chứng từ kế toán do đơn vị lập hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung vào bộ phận kế toán đơn vị. Bộ phận kế toán kiểm tra những chứng từ kế toán đó và chỉ sau khi kiểm tra và xác minh tính pháp lý của chứng từ thì mới dùng những chứng từ đó để ghi sổ kế toán.

Trình tự kiểm tra chứng từ kế toán.

+ Kiểm tra tính rõ ràng, trung thực, đầy đủ của các chỉ tiêu, các yếu tố ghi chép trên chứng từ kế toán;

+ Kiểm tra tính hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đã ghi trên chứng từ kế toán;

+ Kiểm tra tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ kế toán.

Khi kiểm tra chứng từ kế toán nếu phát hiện có hành vi vi phạm chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước, phải từ chối thực hiện (xuất quỹ, thanh toán, xuất kho,...) đồng thời báo ngay cho Thủ trưởng đơn

vị biết để xử lý kịp thời theo đúng pháp luật hiện hành.

Đối với những chứng từ kế toán lập không đúng thủ tục, nội dung và chữ số không rõ ràng thì người chịu trách nhiệm kiểm tra hoặc ghi sổ phải trả lại, làm thêm thủ tục và điều chỉnh sau đó mới làm căn cứ ghi sổ.

- Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán bao gồm các bước sau:

+ Lập, tiếp nhận chứng từ kế toán;

+ Kế toán viên, kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán;

+ Phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán;

+ Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.

7. Dịch chứng từ kế toán ra tiếng Việt

Các chứng từ kế toán ghi bằng tiếng nước ngoài, khi sử dụng để ghi sổ kế toán ở Việt Nam phải được dịch ra tiếng Việt, những chứng từ ít phát sinh hoặc nhiều lần phát sinh nhưng có nội dung không giống nhau thì phải dịch toàn bộ nội dung chứng từ kế toán, những chứng từ phát sinh nhiều lần có nội dung giống nhau thì chỉ dịch những nội dung chủ yếu như: Tên chứng từ, tên đơn vị và cá nhân lập, tên đơn vị và cá nhân nhận, nội dung kinh tế của chứng từ, chức danh của người ký trên chứng từ... Người dịch phải ký, ghi rõ họ tên và chịu trách nhiệm về nội dung dịch ra tiếng Việt. Bản chứng từ dịch ra tiếng Việt phải đính kèm với bản chính bằng tiếng nước ngoài.

B. DANH MỤC VÀ MẪU CHỨNG TỪ KẾ TOÁN*(Ban hành theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005)***1. Danh mục chứng từ kế toán**

Số thứ tự	Tên chứng từ	Số hiệu
I	Chứng từ ban hành tại Quyết định này	
1	Bảng thanh toán thù lao Ban đại diện Quỹ	C02-QĐT
2	Bảng tính trích nộp phí quản lý (giám sát)	C03-QĐT
II	Chứng từ ban hành ở các văn bản khác	
1	Ủy nhiệm chi	
2	Phiếu hạch toán	
3	Giấy báo Nợ	
4	Giấy báo Có	
5	Thông báo kết quả giao dịch mua chứng khoán	
6	Báo cáo thanh toán giao dịch	
7	Phiếu lệnh mua	
8	Báo cáo phí giao dịch phát sinh trong tháng	
9	Hóa đơn thanh toán	
10	Phiếu thu	
11	Phiếu chi	

** Ghi chú: Các chứng từ ban hành ở các văn bản khác (nêu ở phần II) được áp dụng theo quy định tại các văn bản đó (mẫu biểu và phương pháp lập).*

2. Mẫu chứng từ kế toán

Công ty quản lý Quỹ ĐTCK.....

Quỹ Đầu tư chứng khoán.....

Mẫu số C02 - QĐT*Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC**ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính***Kính gửi:.....**

Đề nghị Ngân hàng giám sát trích từ tài khoản của Quỹ ĐTCK.....
và chuyển thanh toán thù lao cho Ban đại diện Quỹ ĐTCK..... với chi tiết
như sau:

BẢNG THANH TOÁN THÙ LAO BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Số thứ tự	Họ và tên	Tên chủ tài khoản	Số TK	Tại Ngân hàng	Số tiền	Ghi chú
A	B	C	D	E	I	G
	Cộng					

*Lập, ngày..... tháng..... năm.....***Người lập bảng***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Công ty quản lý Quỹ ĐTCK.....

Quỹ Đầu tư chứng khoán.....

Mẫu số C03 - QĐT*Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC**ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính***Kính gửi:.....**

Đề nghị Ngân hàng giám sát chuyển từ tài khoản của Quỹ ĐTCK.....
số tiền thanh toán cho Công ty quản lý Quỹ (NH giám sát)..... về phí quản lý
(giám sát) chi tiết như sau:

BẢNG TÍNH TRÍCH NỘP PHÍ QUẢN LÝ (GIÁM SÁT)

Số thứ tự	Tên đơn vị được hưởng	Chủ tài khoản	Số hiệu TK TG	Tại Ngân hàng	Cơ sở tính phí	Tỷ lệ (%) phí phải thanh toán	Số tiền
A	B	C	D	E	1	2	3
	Cộng						

Lập, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHẦN THỨ HAI
HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

(Ban hành theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005)

Số thứ tự	SỐ HIỆU TK		TÊN TÀI KHOẢN	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
1	2	3	4	5
LOẠI 1 - TÀI SẢN				
1	112		Tiền gửi Ngân hàng	
		1121	Tiền Việt Nam	
		1122	Ngoại tệ	
2	121		Chứng khoán kinh doanh, đầu tư	
		1211	Giá gốc chứng khoán kinh doanh	
		1212	Giá gốc chứng khoán đầu tư	
		1213	Chênh lệch đánh giá chứng khoán cuối kỳ	
3	128		Đầu tư khác	
		1281	Giá gốc các khoản đầu tư	
		1283	Chênh lệch đánh giá các khoản đầu tư cuối kỳ	
4	131		Phải thu hoạt động đầu tư	
		1311	Phải thu bán chứng khoán	
		1318	Phải thu khác về hoạt động đầu tư	
5	138		Phải thu khác	
LOẠI 3 - NỢ PHẢI TRẢ				
6	311		Vay ngắn hạn	
7	331		Phải trả hoạt động đầu tư	
		3311	Phải trả mua chứng khoán	
		3318	Phải trả khác về hoạt động đầu tư	
8	332		Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	
9	334		Phải trả phụ cấp Ban đại diện quỹ	
10	337		Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát	

09687156

Số thứ tự	SỐ HIỆU TK		TÊN TÀI KHOẢN	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
1	2	3	4	5
		3371	Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ	
		3372	Phải trả cho Ngân hàng giám sát	
11	338		Phải trả khác	
LOẠI 4 - NGUỒN VỐN				
12	411		Vốn góp của Nhà đầu tư	
		4111	Vốn gốc	
		4112	Thặng dư vốn	
13	421		Kết quả hoạt động	
		4211	Xác định kết quả hoạt động thực hiện trong kỳ	
		4212	Xác định kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ	
		4213	Kết quả hoạt động được phân phối trong kỳ	
		4214	Kết quả hoạt động chưa được phân phối trong kỳ	
LOẠI 5 - THU NHẬP				
14	511		Thu nhập	
		5111	Cổ tức	
		5112	Lãi trái phiếu	
		5113	Lãi tiền gửi	
		5114	Chênh lệch bán chứng khoán	
		5115	Chênh lệch lãi đánh giá lại các khoản đầu tư cuối kỳ	
		5117	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	
		5118	Thu nhập khác	
LOẠI 6 - CHI PHÍ				
15	631		Các khoản phí và chi phí khác	
		6311	Phí quản lý	

09687156

Số thứ tự	SỐ HIỆU TK		TÊN TÀI KHOẢN	Ghi chú
	Cấp 1	Cấp 2		
1	2	3	4	5
		6312	Phí giám sát, bảo quản tài sản quỹ	
		6313	Chi phí họp, đại hội	
		6314	Chi phí kiểm toán	
		6315	Chênh lệch lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư cuối kỳ	
		6316	Chi phí tư vấn định giá	
		6317	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	
		6318	Phí và chi phí khác	
LOẠI 0 - TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG				
1	004		Nợ khó đòi đã xử lý	
2	007		Ngoại tệ các loại	
3	010		Chứng khoán theo mệnh giá	

PHẦN THỨ BA

HỆ THỐNG SỐ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Công ty quản lý Quỹ phải bố trí cán bộ kế toán thực hiện việc mở, ghi các sổ kế toán cho Quỹ ĐTCK, tách biệt với hệ thống sổ kế toán của Công ty quản lý Quỹ.
2. Việc mở sổ, ghi sổ, bảo quản, lưu trữ sổ kế toán của Quỹ ĐTCK phải tuân theo quy định của Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Kế toán và các quy định cụ thể của Chế độ kế toán này.
3. Quỹ ĐTCK áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

B. HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VÀ MẪU SỔ KẾ TOÁN
(Ban hành theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005)

1. Danh mục sổ kế toán

Số thứ tự	Tên sổ	Mẫu số
1	Sổ Nhật ký chung	S01 - QĐT
2	Sổ Cái (dùng cho hình thức Nhật ký chung)	S02 - QĐT
3	Sổ Tiền gửi Ngân hàng	S03 - QĐT
4	Sổ Chi tiết tài khoản	S04 - QĐT
5	Sổ Nhật ký mua (bán) chứng khoán	S05 - QĐT
6	Sổ theo dõi danh mục đầu tư	S06 - QĐT

2. Mẫu sổ kế toán

Công ty quản lý Quỹ ĐTCK....
Quỹ Đầu tư chứng khoán.....

Mẫu số: S01 - QĐT
Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
ngày 14/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày..... đến ngày.....

Chứng từ		Nội dung	Tài khoản	Số phát sinh	
Số	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	1	2
		Số trang trước chuyển sang			
		Cộng chuyển sang trang sau			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày....tháng....năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công ty quản lý Quỹ ĐTCK.....
 Quỹ Đầu tư chứng khoán.....

Mẫu số: S02 - QĐT

Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

SỔ CÁI

Tên tài khoản:

Từ ngày..... đến ngày.....

Số dư đầu kỳ Nợ.....

Có.....

Chứng từ		Khách hàng	Nội dung	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày, tháng	Số				Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2

Tổng phát sinh trong kỳ:

Dư cuối kỳ: Nợ.....

Có.....

Lập, ngày.... tháng.... năm....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

09687155
 LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Công ty quản lý Quỹ ĐTCK.....
 Quỹ Đầu tư chứng khoán.....

Mẫu số: S03 - QĐT

Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch:.....

Số hiệu tài khoản:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Thu (Gửi vào)	Chi (Rút ra)	Còn lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	G

- Sổ này có.....trang, đánh số từ 01 đến

- Ngày mở sổ:

Lập, ngày.... tháng.... năm....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công ty quản lý Quỹ ĐTCK.....
 Quỹ Đầu tư chứng khoán.....

Mẫu số: S04 - QĐT
 Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản:

Ngày:

Số dư đầu kỳ Nợ.....

Có.....

Chứng từ		Khách hàng	Nội dung	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày, tháng	Số				Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2

Tổng phát sinh trong kỳ:.....

Dư cuối kỳ: Nợ:.....

Có:.....

Lập, ngày.... tháng..... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

09687156

Công ty quản lý Quỹ ĐTCK.....
 Quỹ Đầu tư chứng khoán.....

Mẫu số: S05 - QĐT
 Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

SỔ NHẬT KÝ MUA (BÁN) CHỨNG KHOẢN

Số hiệu TK	Chứng từ		Diễn giải	Phát sinh mua (bán)			Ghi chú
	Ngày giao dịch	Số hiệu chứng từ		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	E
			Loại chứng khoán....				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày.... tháng..... năm.....
 Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

SỔ THEO DÕI DANH MỤC ĐẦU TƯ

TK.....
 Loại đầu tư:.....

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Mua vào			Bán ra		Số dư			
	Số	Ngày			Số lượng	Tiền theo mệnh giá (...đ)	Theo giá mua (...đ)	Số lượng	Theo giá bán (...đ)	Số lượng	Mệnh giá	Giá gốc	Giá đánh giá
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9
			- Số dư đầu kỳ	x	x	x	x	x	x				
			- Số phát sinh trong kỳ										
			- Cộng số phát sinh										
			Số dư cuối kỳ	x									

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Lập, ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

PHẦN THỨ TƯ HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A. QUY ĐỊNH CHUNG

I. MỤC ĐÍCH CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hệ thống báo cáo tài chính của Quỹ ĐTCK được lập với mục đích sau:

1. Tổng hợp, trình bày một cách tổng quát và toàn diện tình hình tài sản, công nợ, nguồn vốn, tình hình và kết quả hoạt động của Quỹ ĐTCK trong một kỳ kế toán.

2. Cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá thực trạng tài chính của Quỹ ĐTCK, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Quỹ ĐTCK trong kỳ hoạt động đã qua và những dự đoán trong tương lai. Thông tin của báo cáo tài chính là căn cứ quan trọng để các nhà đầu tư phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý cũng như đánh giá khả năng quản lý của Công ty quản lý Quỹ ĐTCK, cho việc đề ra các quyết định về quản lý, điều hành hoạt động đơn vị.

II. NỘI DUNG HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hệ thống Báo cáo tài chính quy định áp dụng cho Quỹ ĐTCK bao gồm 6 biểu mẫu báo cáo (Xem danh mục ở mục 2/III/A).

Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, Quỹ ĐTCK có thể đề nghị bổ sung, sửa đổi hoặc chi tiết thêm các chỉ tiêu kinh tế phù hợp với đặc điểm hoạt động của Quỹ ĐTCK và chỉ được thực hiện khi được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

III. TRÁCH NHIỆM, THỜI HẠN LẬP VÀ NỘP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty quản lý Quỹ ĐTCK có trách nhiệm lập và nộp báo cáo tài chính của Quỹ ĐTCK theo đúng các quy định tại chế độ này.

1. Thời hạn lập, nộp và công khai báo cáo tài chính

- BCTC tháng: Trong vòng 5 ngày kể từ ngày kết thúc tháng; Báo cáo tài chính tháng phải nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCK Nhà nước) và Ban đại diện Quỹ;

- BCTC quý: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Báo cáo tài chính quý phải nộp cho UBCK Nhà nước và Ban đại diện Quỹ;

- BCTC năm: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm. Báo cáo tài chính năm phải nộp cho UBCK Nhà nước, Vụ Tài chính ngân hàng (Bộ Tài chính), Ban đại diện Quỹ, Cơ quan Thống kê và công khai ra công chúng.

Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng, Giám đốc Công ty quản lý Quỹ, phụ trách bộ phận giám sát và Giám đốc NH giám sát ký tên, đóng dấu trước khi gửi cho các cơ quan chức năng và công khai ra công chúng.

Ngoài ra Quỹ Đầu tư chứng khoán phải nghiêm chỉnh chấp hành việc lập và nộp các báo cáo nghiệp vụ theo quy định của UBCK Nhà nước mà chưa được quy định tại Chế độ kế toán này.

2. Kiểm toán báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm của Quỹ Đầu tư chứng khoán phải được doanh nghiệp kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và công khai.

Khi nộp, công khai báo cáo tài chính phải kèm theo báo cáo kiểm toán.

B. DANH MỤC VÀ MẪU BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005)

1. Danh mục Báo cáo tài chính

Số thứ tự	Mã số	Tên BCTC	Thời hạn lập	Nơi nhận				
				Bộ Tài chính		Thống kê	Công khai	Nhà đầu tư
				UB CK NN	Vụ TCNH			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	B01-QĐT	Bảng Cân đối kế toán	Quý, năm	x	x	x	x	x
2	B02-QĐT	Báo cáo kết quả hoạt động	Quý, năm	x	x	x	x	x
3	B04-QĐT	Bản thuyết minh BCTC	Quý, năm	x	x	x	x	x
4	B05-QĐT	Báo cáo tài sản	Quý, năm	x	x	x	x	x
5	B06-QĐT	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	Quý, năm	x	x	x	x	x
6	B07-QĐT	Báo cáo danh mục đầu tư	Quý, năm	x	x	x	x	x

*Ghi chú: Riêng các Báo cáo B02-QĐT, B03-QĐT, B04-QĐT, B06-QĐT, B07-QĐT còn phải lập theo tháng để nộp cho UBCK Nhà nước và Ban đại diện Quỹ.

2. Mẫu Báo cáo tài chính

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
 NH GIÁM SÁT.....
 QUỸ ĐTCK

Mẫu số B 01 - QĐT
Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 tại ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị tính:.....

A. TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	1	2
1. Tiền gửi ngân hàng	110		
2. Đầu tư chứng khoán	120		
3. Đầu tư khác	121		
4. Phải thu hoạt động đầu tư	130		
5. Phải thu khác	131		
TỔNG TÀI SẢN	200		
B. NGUỒN VỐN			
I. NỢ PHẢI TRẢ	300		
1. Vay ngắn hạn	310		
2. Phải trả hoạt động đầu tư	311		
3. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	312		
4. Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ	314		
5. Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ, NH giám sát	315		
6. Phải trả khác	318		
II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		
1. Vốn góp của các nhà đầu tư	410		
1.1. Vốn góp	411		
1.2. Thặng dư vốn	412		
2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	420		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430		

09687156

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<p>1. Nợ khó đòi đã xử lý</p> <p>2. Ngoại tệ các loại</p> <p>3. Chứng khoán theo mệnh giá</p>			

Lập, ngày..... tháng..... năm.....

Ngân hàng giám sát

**Phụ trách
bộ phận
giám sát**

(Ký, họ tên)

Giám đốc

*(Ký, họ tên,
đóng dấu)*

**Người lập
biểu**

(Ký, họ tên)

Công ty quản lý Quỹ

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

Giám đốc

*(Ký, họ tên,
đóng dấu)*

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....
 NH GIÁM SÁT.....
 QUỸ ĐTCK

Mẫu số B 02 - QĐT
 Theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tháng..... Quý..... Năm.....

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu (*)	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
		Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
A	B	1	2	3	4
A. Xác định KQHĐ đã thực hiện					
I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện	10				
1. Cổ tức được nhận	11				
2. Lãi trái phiếu được nhận	12				
3. Lãi tiền gửi	13				
4. Thu nhập bán chứng khoán	14				
5. Thu nhập khác	18				
II. Chi phí	30				
1. Phí quản lý quỹ	31				
2. Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ	32				
3. Chi phí họp, đại hội	33				
4. Chi phí kiểm toán	34				
5. Chi phí tư vấn định giá	35				
6. Phí và chi phí khác	38				
III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ	50				
B. Xác định kết quả chưa thực hiện					
I. Thu nhập	60				

A	B	1	2	3	4
1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61				
2. Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	62				
II. Chi phí	70				
1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71				
2. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72				
III. Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ	80				

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu nào không có số liệu thì không phải báo cáo.

Ngân hàng giám sát
 Phụ trách Giám đốc
 bộ phận
 giám sát
 (Ký, họ tên)
 (Ký, họ tên,
 đóng dấu)

Người lập
 biểu
 (Ký, họ tên)

Lập, ngày..... tháng..... năm.....
 Công ty quản lý Quỹ
 Kế toán
 trưởng
 (Ký, họ tên)
 Giám đốc
 (Ký, họ tên,
 đóng dấu)

09687156

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....
 NH GIÁM SÁT.....
 QUỸ ĐTCK

Mẫu số B 04 - QĐT
 Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tháng..... Quý..... Năm.....

I. Đặc điểm hoạt động của Quỹ Đầu tư

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1.1. Niên độ kế toán (bắt đầu từ ngày....kết thúc ngày....)

1.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

III. Chế độ kế toán áp dụng

1.1. Chế độ kế toán áp dụng

1.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1.1. Kế toán các khoản đầu tư

1.2. Kế toán các khoản phải thu

V. Thông tin bổ sung

5.1. Các giao dịch về vốn

Chỉ tiêu	Phát sinh kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
1. Vốn góp đầu kỳ		
2. Vốn góp tăng trong kỳ		
3. Vốn góp giảm trong kỳ		
4. Vốn góp cuối kỳ		

5.2. Các giao dịch về thặng dư vốn

Chỉ tiêu	Phát sinh kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
1. Đầu kỳ		
2. Tăng trong kỳ		
3. Giảm trong kỳ		
4. Số cuối kỳ		

5.3. Số lợi nhuận đã chia trong kỳ

- 5.3.1. Số đã công bố
- 5.3.2. Số đã thực trả
- 5.3.3. Số còn phải trả

VI. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo
I	Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
1	Tỷ lệ các loại chứng khoán trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
2	Tỷ lệ các loại cổ phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
3	Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
4	Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
5	Tỷ lệ các loại trái phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
6	Tỷ lệ các loại chứng khoán khác trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
7	Tỷ lệ tiền gửi NH trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
8	Tỷ lệ bất động sản trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
9	Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
10	Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ		
II	Các chỉ số thị trường		
1	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối tháng		
2	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty quản lý quỹ cuối tháng		
3	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối tháng		

09687156

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài		
5	Tỷ lệ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong tháng		
6	Giá trị đơn vị quỹ cuối tháng		

* Ghi chú: Mục 3.II và 4.II chỉ áp dụng cho các Quỹ Đầu tư chứng khoán không thực hiện niêm yết.

Lập, ngày..... tháng..... năm.....

Ngân hàng giám sát		Công ty quản lý Quỹ		
Phụ trách bộ phận giám sát	Giám đốc	Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....
 NH GIÁM SÁT.....
 QUỸ ĐTCK

Mẫu số B 05 - QĐT
 Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÀI SẢN
 Tháng..... Quý.....Năm.....

Đơn vị tính:.....

Số thứ tự	Tài sản	Năm này	Năm trước	% cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3
1	Tiền			
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Trái phiếu			
			
2.2	Cổ phiếu			
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết			
2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết			
3	Cổ tức được nhận			
4	Lãi được nhận			
5	Tiền bán chứng khoán phải thu			
6	Các khoản phải thu khác			
7	Các tài sản khác			
	Tổng tài sản			
	Các khoản nợ			
8	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán			
8.1.			
8.2			
9	Các khoản phải trả khác			

09687156

Số thứ tự	Tài sản	Năm này	Năm trước	% cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3
	Giá trị tài sản ròng của quỹ			
10	Tổng số đơn vị quỹ			
11	Giá trị của một đơn vị quỹ			

09687156

Lập, ngày..... tháng..... năm.....

Ngân hàng giám sát

Phụ trách bộ phận giám sát
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Công ty quản lý Quỹ

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....
 NH GIÁM SÁT.....
 QUỸ ĐTCK

Mẫu số B 06 - QĐT
 Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Tháng..... Quý.....Năm.....

Đơn vị tính:.....

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo của năm trước
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ		
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ		
	Trong đó:		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ		
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ		
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ		

Lập, ngày..... tháng..... năm.....

Ngân hàng giám sát		Công ty quản lý Quỹ		
Phụ trách bộ phận giám sát	Giám đốc	Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....
 NH GIÁM SÁT.....
 QUỸ ĐTCK

Mẫu số B 07 - QĐT
 Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tháng..... năm 200.....

Số thứ tự	Loại	Số lượng	Giá thị trường cuối tháng	Tổng giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%) Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
A	B	1	2	3	4
I	Cổ phiếu niêm yết - - -				
II	Cổ phiếu không niêm yết - - -				
III	Trái phiếu - - -				
IV	Các loại chứng khoán khác - - -				
V	Các tài sản khác - - -				
VI	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng				
VII	Tổng giá trị danh mục				

Lập, ngày..... tháng..... năm.....

Ngân hàng giám sát
 Phụ trách Giám đốc
 bộ phận
 giám sát
 (Ký, họ tên)
 (Ký, họ tên,
 đóng dấu)

Người lập
 biểu
 (Ký, họ tên)

Công ty quản lý Quỹ
 Kế toán
 trưởng
 (Ký, họ tên)
 Giám đốc
 (Ký, họ tên,
 đóng dấu)

09687156

LawSoft * Tel: +84 8 3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com